TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 8 năm 2017
"*V/v Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Tố Uyên.

-Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Toan.

Bà Doãn Thị Lệ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: - Chị P – sinh năm: 1986.
Địa chỉ: 08/8 đường C, tổ 4, phường H, thành phố D, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

Bị đơn: - Anh Q – sinh năm: 1979.
Địa chỉ: 08/8 C, tổ 4, phường H, thành phố D, tỉnh Gia Lai.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2017, bản tự khai, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị P trình bày:

Vào tháng 6 năm 2010, chị P và anh Q tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, tại giấy chứng nhận kết hôn số: 64, quyển số 01/2010. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây anh, chị không đồng quan điểm mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, nên đến nay anh, chị không thể tiếp tục sống chung được nữa. Vì vậy, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q.

Quá trình chung sống anh, chị có 01 con chung là: Cháu T, sinh ngày 29/5/2011, hiện cháu T đang ở với chị P, chị P có nguyện vọng được nuôi cháu T và yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Q trình bày tại bản tự khai:

Chị P làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, anh Q đồng ý ly hôn, anh thừa nhận quá trình chung sống với chị P, anh chị có một con chung là cháu T, sinh ngày 29/5/2011, anh Q đồng ý để chị P nuôi cháu T và anh cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Q, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Q đến Tòa án nhân dân thành phố D tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q không đến, vì vậy việc chấp hành pháp luật của bị đơn không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự: Chị P có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố D – tỉnh Gia lai giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con, đối với bị đơn anh Q, có nơi cư trú tổ 4, số nhà 08/8 đường C, phường H, thành phố D, tỉnh Gia Lai; vì vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai.

- Về quan hệ hôn nhân: Tháng 6 năm 2010, chị Lê P và anh Q tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố D, tỉnh Gia Lai, tại giấy chứng nhận kết hôn số: 64, quyển số 01/2010. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây anh, chị không đồng quan điểm mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, nên đến nay anh, chị không thể tiếp tục sống chung được nữa. Vì vậy, chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay cả chị Phương và anh Q đều thống nhất đến tại thời điểm này anh, chị không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, sau khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã triệu tập anh Q đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ, nhưng anh Q không đến cũng như không mong muốn hàn gắng tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho cuộc sống hôn nhân gia đình của anh, chị. Vì vậy chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Q là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị P và anh Q trình bày trong quá trình chung sống giữa anh, chị có 01 con chung là cháu T – sinh ngày 29/5/2011, Chị P có nguyện vọng được nuôi con và anh Q cũng đồng ý để chị P nuôi con. Trên cơ sở thống nhất của chị P, anh Q giao con chung là cháu T cho chị P nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Xét việc thỏa thuận giữa anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014. Giao con chung là cháu T – sinh ngày 29/5/2011 cho P nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi anh Q có yêu cầu khác.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Q và chị P thỏa thuận và anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cho chị P một tháng 2.000.000 đồng: HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của anh, chị.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Chị P, anh Q đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê P và anh Q.

- Về con chung: Giao con chung cháu T cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với chị P số tiền: 2.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành hành án chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Chị P và anh Q thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003322 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Gia lai. Chị P đã nộp đủ.

- Anh Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị P và anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p0hải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố D;
- Chi cục THA-DS TP D;
- Các đương sự;
- UBND phường HL, TP.D;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TỈNH GIA LAI

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU TÆNH GIA LAI.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà **Trần Thị Tố Uyên.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ, bà Lê Thị Toan.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi 15 giờ 45 phút, ngày 15 tháng 8 năm 2017 Tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đối với vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 409/2017/TLST-HNGĐ giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương – sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 08/8 Nguyễn Đức Cảnh, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Huỳnh Đức Quang – sinh năm: 1979.

Địa chỉ: 08/8 Nguyễn Đức Cảnh, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Sau khi nghe thư ký báo cáo danh sách những người được triệu tập có mặt, vắng mặt.

Thư ký báo cáo vắng mặt:

Bị đơn anh Huỳnh Đức Quang, không có lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ.

Chủ tọa phiên Tòa kiểm tra căn cước của những người tham gia tố tụng có mặt.

Xác định vắng mặt:

Anh Huỳnh Đức Quang là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử thảo luận và thông qua tại phòng nghị án.

Ý kiến của Hội thẩm 1: Căn cứ vào điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự bị đơn anh Huỳnh Đức Quang vắng mặt không có lý do, vì vậy cần phải hõan phiên Tòa.

Ý kiến của Hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên Tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 03/03 đồng ý.

Về Điều luật áp dụng (điểm, khoản, Điều của Bộ luật dân sự):

Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự hoãn phiên tòa xét xử ngày 15 tháng 8 năm 2017; Thời gian và địa điểm mở lại phiên Tòa sẽ được ấn định vào ngày 28 tháng 8 năm 2017.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 28 tháng 8 năm 2017; Tại phòng nghị án, trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà : ***Trần Thị Tố Uyên.***

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ, bà Lê Thị Toan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 409/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2017 về yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương – sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 08/8 Nguyễn Đức Cảnh, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Huỳnh Đức Quang – sinh năm: 1979.

Địa chỉ: 08/8 Nguyễn Đức Cảnh, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1/ Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là:

Ý kiến hội thẩm 1:

Tranh chấp về hôn nhân gia đình, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến hội thẩm 2 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

Nhất trí với ý kiến hội thẩm 1.

(Biểu quyết: 03/03 đồng ý).

Ý kiến hội thẩm 2:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Phương.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Phương và anh Huỳnh Đức Quang.

- Về con chung: Giao con chung cháu Huỳnh Lê Hoài Thương cho chị Lê Thị Phương trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Anh Huỳnh Đức Quang tự nguyện cấp dưỡng nuôi con với chị Lê Thị Phương số tiền: 2.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất

năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ý kiến hội thẩm 1 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

Nhất trí ý kiến hội thẩm 2.

(Biểu quyết: 03/03 đồng ý).

2/ Điều luật áp dụng:

Ý kiến hội thẩm 1 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng : Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Ý kiến hội thẩm 2:

Nhất trí ý kiến của hội thẩm 1 và Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(Biểu quyết: 03/03 đồng ý).

3/ Một số vấn đề khác:

Ý kiến hội thẩm 1:

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan Thi hành hành án chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Phương và anh Huỳnh Đức Quang thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Phương phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003322 ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai. Chị Phương đã nộp đủ.

- Anh Huỳnh Đức Quang phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Phương và anh Huỳnh Đức Quang được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh

Huỳnh Đức Quang vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người p0hải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Ý kiến hội thẩm 2 và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:

Nhất trí với ý kiến hội thẩm 1.

(Biểu quyết: 03/03 đồng ý).

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, ngày 28 tháng 8 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**